

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc cho Ban Quản lý dự án 2 tỉnh Sóc Trăng chuyển mục đích sử dụng 182.533,9 m<sup>2</sup> rừng phòng hộ sang mục đích khác để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp đê biển kết hợp xây dựng hệ thống ngăn mặn từ cầu Mỹ Thanh 2 đến ranh Bạc Liêu, tỉnh Sóc Trăng

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng (Tờ trình số 2565/TTr-STNMT-CCQLĐĐ ngày 09/11/2020).

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho Ban Quản lý dự án 2 tỉnh Sóc Trăng chuyển mục đích sử dụng 182.533,9 m<sup>2</sup> rừng phòng hộ thuộc 37 thửa đất tại Phường 1, phường Vĩnh Phước, xã Vĩnh Tân và xã Lai Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng sang mục đích khác để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp đê biển kết hợp xây dựng hệ thống ngăn mặn từ cầu Mỹ Thanh 2 đến ranh Bạc Liêu, tỉnh Sóc Trăng.

(Đính kèm 37 sơ đồ vị trí chuyển mục đích sử dụng rừng).

**Điều 2.**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan triển khai quyết định này đến Ban Quản lý dự án 2 tỉnh Sóc Trăng.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm giám sát việc chuyển mục đích sử dụng rừng theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý dự án 2 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chi cục Kiểm lâm tỉnh ST;
- Lưu: VT, KT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Hiếu



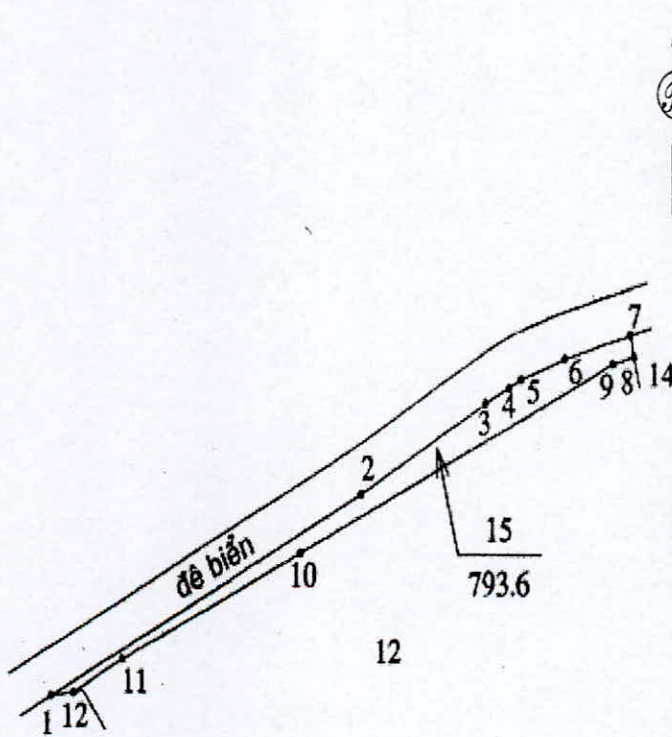


## SƠ ĐỒ VỊ TRÍ CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG

(Kèm theo Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 12/11/2020  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng phòng hộ là 793,6 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất 15, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại Khu 6, Phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Vị trí chuyển mục đích sử dụng rừng phòng hộ được xác định theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực hiện ngày 01/9/2020.



thửa 29, tờ bản đồ 01 TL 1-2000

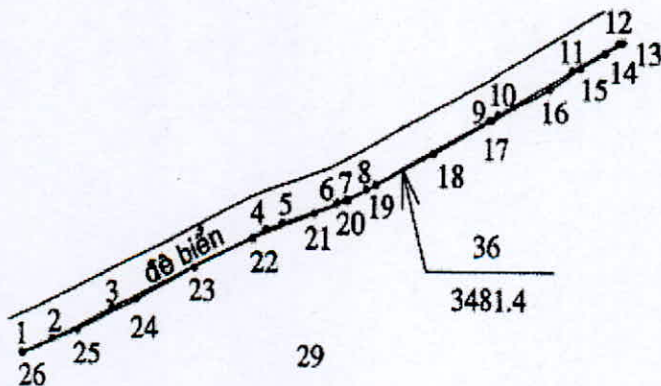
TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	1028765.90	553002.73	
2	1028809.73	553089.02	96.74
3	1028829.35	553124.21	40.29
4	1028832.86	553130.74	7.41
5	1028834.65	553134.16	3.86
6	1028839.14	553146.34	12.99
7	1028844.25	553165.19	19.52
8	1028839.55	553166.32	4.83
9	1028837.93	553160.13	6.39
10	1028797.04	553072.12	97.05
11	1028773.85	553022.52	54.76
12	1028766.54	553008.83	15.52
1	1028765.90	553002.78	6.08



**SƠ ĐỒ VỊ TRÍ CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG**  
(Kèm theo Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 12 /11/2020  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Diện tích chuyên mục đích sử dụng rừng phòng hộ là 3.481,4 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 36, tờ bản đồ số 01, tọa lạc Khu 6, Phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Vị trí chuyên mục đích sử dụng rừng phòng hộ được xác định theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực hiện ngày 01/9/2020.



TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	1028345.68	552077.22	
2	1028365.29	552126.02	52.59
3	1028406.66	552218.33	101.16
4	1028513.79	552456.32	260.99
5	1028522.83	552481.56	26.81
6	1028549.52	552565.77	88.34
7	1028553.29	552578.13	12.92
8	1028567.34	552609.55	34.42
9	1028660.62	552801.03	212.98
10	1028668.01	552815.13	15.93
11	1028728.72	552929.88	129.82
12	1028765.90	553002.78	81.84
13	1028766.54	553008.83	6.0%
14	1028752.23	552982.06	30.35
15	1028731.80	552943.46	43.67
16	1028702.66	552895.13	56.43
17	1028659.84	552804.67	100.08
18	1028615.16	552714.94	100.24
19	1028573.86	552624.37	99.54
20	1028552.83	552581.19	48.03
21	1028535.43	552530.55	53.54
22	1028502.04	552436.34	99.95
23	1028461.32	552346.19	98.93
24	1028417.42	552256.22	100.11
25	1028377.10	552164.65	100.05
26	1028343.39	552078.77	92.26
1	1028345.68	552077.22	2.77





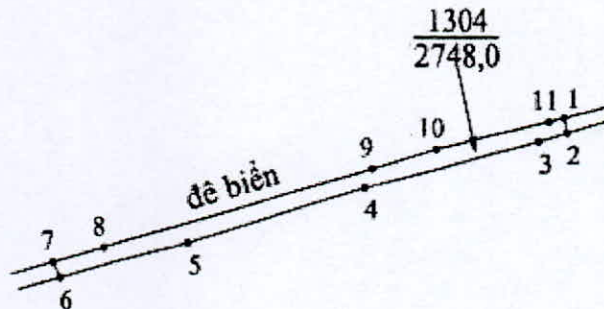


## SƠ ĐỒ VỊ TRÍ CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG

(Kèm theo Quyết định số 3 107/QĐ-UBND ngày 12 /11/2020  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Diện tích chuyên mục đích sử dụng rừng phòng hộ là 2.748 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 1304, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại khóm Biên Trên, phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Vị trí chuyên mục đích sử dụng rừng phòng hộ được xác định theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh thực hiện ngày 31/8/2020.



STT	Tọa độ (*)		Chiều dài (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1026969.30	547638.23	8.38
2	1026961.06	547639.75	16.27
3	1026956.49	547624.13	99.99
4	1026931.51	547527.31	100.10
5	1026901.30	547431.88	72.34
6	1026882.92	547361.91	9.03
7	1026890.91	547357.71	30.58
8	1026898.78	547387.26	150.48
9	1026941.69	547531.49	36.14
10	1026952.50	547565.98	65.24
11	1026967.12	547629.57	8.93
1	1026969.30	547638.23	



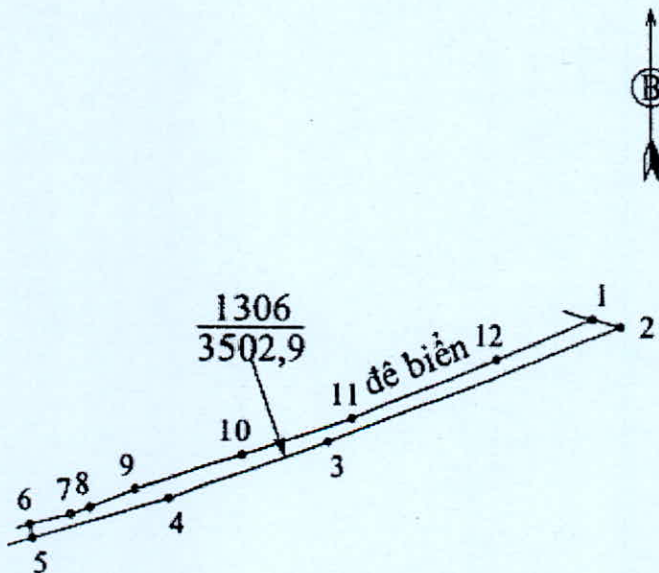




**SƠ ĐỒ VỊ TRÍ CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG**  
(Kèm theo Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 12/11/2020  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Diện tích chuyên mục đích sử dụng rừng phòng hộ là 3.502,9 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 1306, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại khóm Biển Trên, phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Vị trí chuyên mục đích sử dụng rừng phòng hộ được xác định theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh thực hiện ngày 31/8/2020.



STT	Tọa độ (*)		Chiều dài (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1027092.08	547981.61	17.24
2	1027087.38	547998.20	194.99
3	1027019.23	547815.50	100.09
4	1026984.95	547721.46	85.13
5	1026961.06	547639.75	8.38
6	1026969.30	547638.23	24.84
7	1026975.37	547662.31	12.73
8	1026979.35	547674.41	29.06
9	1026990.47	547701.25	67.00
10	1027011.46	547764.88	69.11
11	1027033.35	547830.43	96.21
12	1027068.48	547920.01	65.97
1	1027092.08	547981.61	



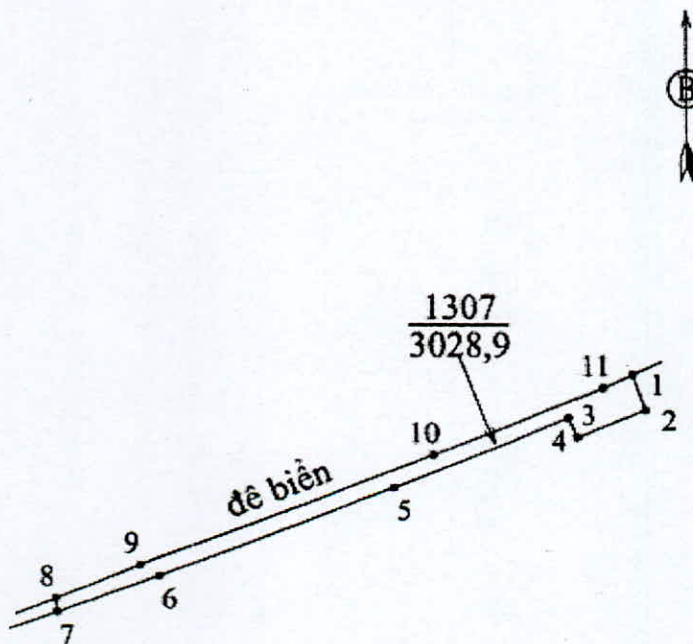


## SƠ ĐỒ VỊ TRÍ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG

(Kèm theo Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 12/11/2020  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng phòng hộ là 3.028,9 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 1307, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại khóm Biển Dưới, phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Vị trí chuyển mục đích sử dụng rừng phòng hộ được xác định theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh thực hiện ngày 31/8/2020.



STT	Tọa độ (*)		Chiều dài (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1026483.27	546164.27	19.43
2	1026464.99	546170.85	37.17
3	1026451.05	546136.39	11.02
4	1026461.18	546132.04	97.37
5	1026424.41	546041.88	124.87
6	1026377.56	545926.13	54.89
7	1026358.61	545874.62	7.14
8	1026365.71	545873.90	45.89
9	1026383.17	545916.33	156.69
10	1026441.62	546061.71	94.39
11	1026476.53	546149.41	16.32
1	1026483.27	546164.27	



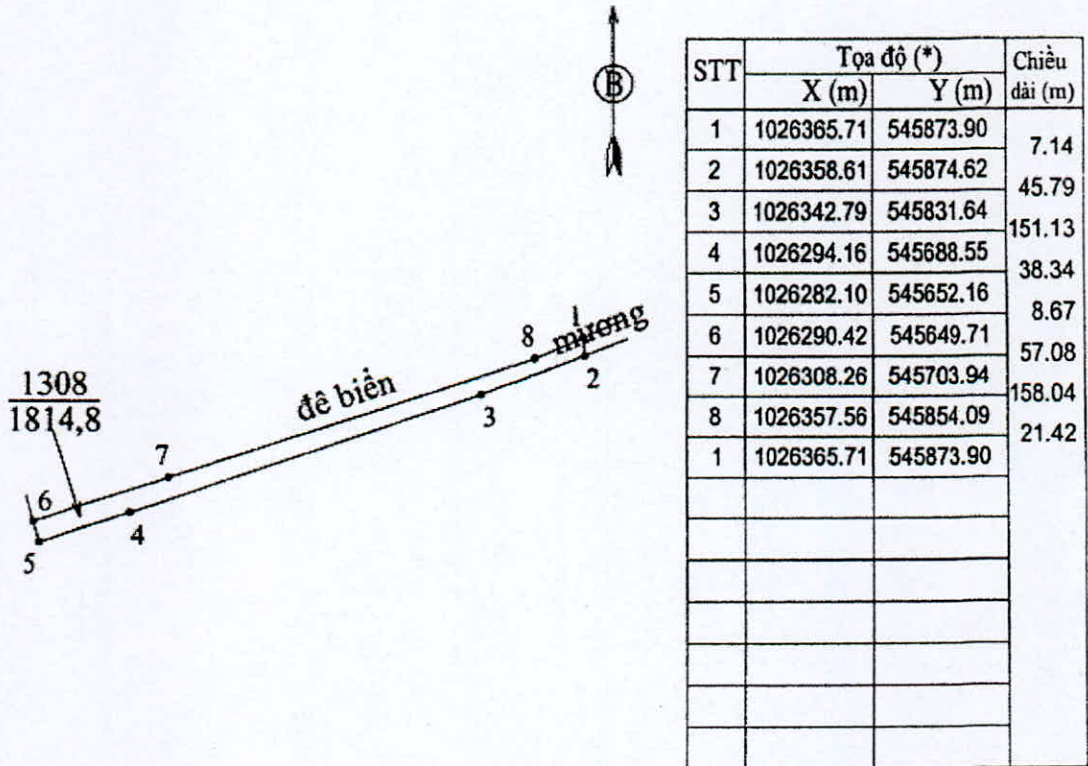


## SƠ ĐỒ VỊ TRÍ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG

(Kèm theo Quyết định số 3 107/QĐ-UBND ngày 12 /11/2020  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng phòng hộ là 1.814,8 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 1308, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại khóm Biển Dưới, phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Vị trí chuyển mục đích sử dụng rừng phòng hộ được xác định theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh thực hiện ngày 31/8/2020.

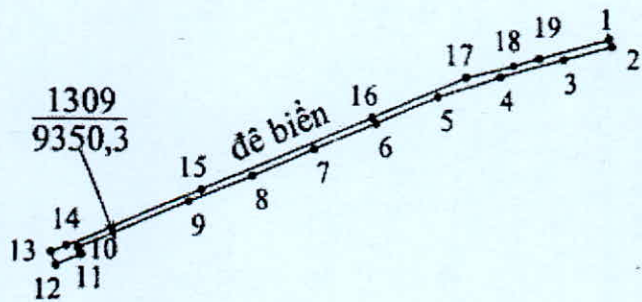




**SƠ ĐỒ VỊ TRÍ CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG**  
(Kèm theo Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 12/11/2020  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Diện tích chuyên mục đích sử dụng rừng phòng hộ là 9.350,3 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 1309, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại khóm Biên Dưới, phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Vị trí chuyên mục đích sử dụng rừng phòng hộ được xác định theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh thực hiện ngày 31/8/2020.



STT	Tọa độ (°)		Chiều dài (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1026802.14	547016.69	10.76
2	1026791.83	547019.79	73.66
3	1026773.48	546948.46	99.95
4	1026748.21	546851.76	97.62
5	1026718.80	546758.67	99.98
6	1026679.62	546666.69	99.74
7	1026642.79	546574.00	100.27
8	1026603.81	546481.61	100.01
9	1026566.54	546388.81	174.69
10	1026499.71	546227.40	10.99
11	1026489.53	546231.55	40.46
12	1026474.36	546194.04	20.31
13	1026493.37	546186.88	24.97
14	1026502.13	546210.26	213.19
15	1026584.22	546407.02	274.07
16	1026687.93	546660.71	151.42
17	1026747.35	546799.99	74.93
18	1026764.39	546872.95	39.99
19	1026774.87	546911.54	108.62
1	1026802.14	547016.69	



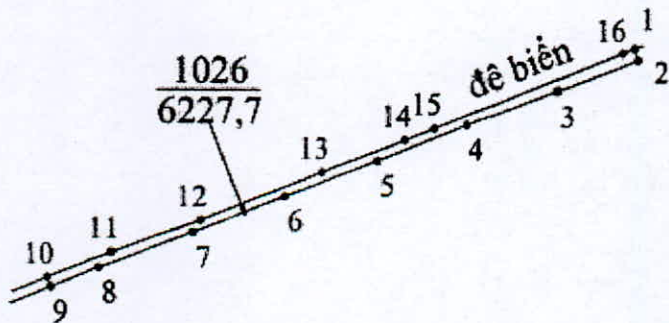




**SƠ ĐỒ VỊ TRÍ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG**  
 (Kèm theo Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 12 /11/2020  
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng phòng hộ là 6.227,7 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 1026, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại khóm Biển Trên, phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Vị trí chuyển mục đích sử dụng rừng phòng hộ được xác định theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh thực hiện ngày 31/8/2020.



STT	Tọa độ (*)		Chiều dài (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1027343.70	548643.99	11.81
2	1027332.43	548647.52	89.04
3	1027302.40	548563.70	100.00
4	1027269.34	548469.33	99.99
5	1027232.86	548376.23	100.00
6	1027197.47	548282.71	100.01
7	1027161.01	548189.57	100.07
8	1027125.54	548096.00	53.41
9	1027106.09	548046.26	10.21
10	1027115.64	548042.65	70.53
11	1027141.15	548108.41	94.22
12	1027173.43	548196.92	132.22
13	1027221.55	548320.08	89.97
14	1027253.64	548404.13	32.95
15	1027265.51	548434.87	209.68
16	1027339.31	548631.14	
1	1027343.70	548643.99	13.59









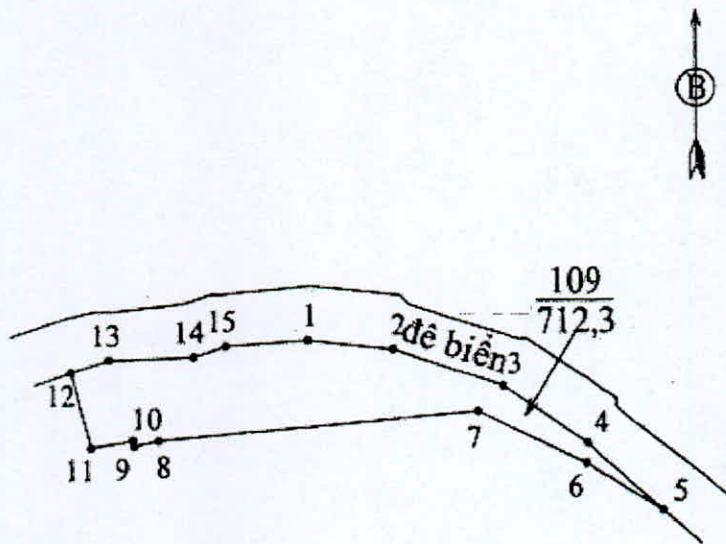




**SƠ ĐỒ VỊ TRÍ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG**  
(Kèm theo Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 12/11/2020  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng phòng hộ là 712,3 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 109, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại khóm Biển Trên A, phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Vị trí chuyển mục đích sử dụng rừng phòng hộ được xác định theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh thực hiện ngày 31/8/2020.



STT	Tọa độ (*)		Chiều dài (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1028371.07	551955.24	12.41
2	1028369.77	551967.58	16.81
3	1028364.57	551983.57	15.05
4	1028356.46	551996.24	14.73
5	1028346.81	552007.37	13.16
6	1028353.57	551996.07	17.74
7	1028360.91	551979.92	46.01
8	1028356.62	551934.11	3.65
9	1028355.81	551930.56	0.90
10	1028356.67	551930.32	6.23
11	1028355.54	551924.20	11.12
12	1028366.27	551921.29	5.85
13	1028368.11	551926.85	12.36
14	1028368.59	551939.20	4.94
15	1028370.21	551943.87	11.40
1	1028371.07	551955.24	



